

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Khí tượng thủy văn; Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực khí tượng và thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 741/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 5 năm 2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính ban hành mới; 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 07 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Khí tượng thủy văn; Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 4 năm 2026 và Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 và Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bru điện tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC<sup>(KSTT)</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; 09 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; 07 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN; TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT; TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (02 TTHC)**

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
<b>I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT (02 TTHC)</b>									
<b>Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</b>									
1	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch  <b>2.002338.H21</b>	05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia. <i>Trường hợp nộp</i>	Có	Toàn trình	-	- Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. - Điều 17 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Mục B.I Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
			<i>qua môi trường điện tử: Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.</i>				29/4/2026 của Chính phủ.		
2	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch  <b>2.002339.H21</b>	03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.	Có	Toàn trình	-	- Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. - Điều 17 Nghị định số	Cấp tỉnh	x



## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ( 09 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
<b>I. Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1345/QĐ-BNNMT ngày 17/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</b>										
<b>Lĩnh vực Khí tượng thủy văn (04 TTHC)</b>										
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)  <b>1.000987.H21</b>	Tổng số ngày giải quyết: 14 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn trả kết quả: không quá 01 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	- Thời gian giải quyết hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Điều 25 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ. - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.		
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn  <b>1.000970.H21</b>	Tổng số ngày giải quyết: 14 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn trả kết quả: không quá 01 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	- Thời gian giải quyết hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Điều 25 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								Chính phủ. - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.		
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn  <b>1.000943.H21</b>	Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc	Có	Toàn trình	- Thời gian giải quyết hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	-	- Điều 25 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Điều 1 Nghị định	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			gia.					số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ. - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.		
4	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước	Tổng số ngày giải quyết: 13 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định: tối đa 11 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ	Có	Một phần	-Thời gian giải quyết hồ sơ; -Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Điều 48 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Điều 34 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. - Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh  <b>1.013861.H21</b>		công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.					CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ. - Điều 8 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. - Điều 50 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Điều 1 Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ		
<b>II. Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</b>										
<b>Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (05 TTHC)</b>										
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản	- 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời hạn	<b>1. Mức thu:</b> - Phí	- Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018.	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	xuất phân bón <b>1.007928.H21</b>	<p>nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).</p> <p>- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày</p>	<p>tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>			<p>giải quyết;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả thực hiện TTHC;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul>	<p>thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chi hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội.</li> <li>- Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính.</li> <li>- Điều 10, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.</li> <li>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm</li> </ul>		



STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		<p>vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng.</p> <p>- 16 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thoả thuận với người nắm độc quyền sử dụng</p>	<p>- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>					<p>33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.</p> <p>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Mục A.XII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền</p>		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thoả đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.								
7	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết	-	- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; - Luật số 131/2025/QH15	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	<b>1.012063.H21</b>		tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			TTHC; - Căn cứ pháp lý		ngày 10/12/2025 của Quốc hội. - Điều 31 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ. - Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Mục A.XVI Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền		
8	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng  <b>1.012064.H21</b>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết TTHC; - Căn cứ pháp lý	-	- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; - Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội . - Điều 32 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ. - Điều 27 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								<p>năm 2026 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> <li>- Mục A.XVI Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền</li> </ul>		
9	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra	05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện;	-	- Luật số 131/2025/QH15.	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	nghiệp vụ đại diện quyền đòi với giống cây trồng  <b>1.012062.H21</b>	kiểm tra.	điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			- Thời gian giải quyết TTHC; - Căn cứ pháp lý		- Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ. - Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Mục A.XVII Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								của Chính phủ. - Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền		
<b>Tổng cộng: 09 TTHC</b>										

### III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (07 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã TTHC				
<b>Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</b>					
<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>					
1	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng <b>1.012073.H21</b>	Một phần	Cấp tỉnh	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ	Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
2	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng <b>1.012001.H21</b>	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 29/01/2026

STT	Tên TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã TTHC				
3	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đôi với giống cây trồng  <b>1.012002.H21</b>	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 29/01/2026
4	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đôi với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân  <b>1.011999.H21</b>	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 29/01/2026
5	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đôi với giống cây trồng  <b>1.012003.H21</b>	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 29/01/2026
6	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đôi với giống cây trồng  <b>1.012004.H21</b>	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 29/01/2026
7	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đôi với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân  <b>1.012000.H21</b>	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ	Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 29/01/2026
<b>Tổng cộng: 07 TTHC</b>					